

Bản án số: 60/2025/DS-PT
Ngày: 22/01/2025
V/v “Tranh chấp về thừa kế
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tĩnh

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 368/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2024/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4466/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 319 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Lê Thị Trúc P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 93B khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 104 tổ A, ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1960; (đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do)

3.2. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1984; (đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Số 104 tổ A, ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

* **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Quốc D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là chị Lê Thị Trúc P trình bày:

Cụ Trần Thị H (chết năm 2000) và cụ Nguyễn Văn X (chết năm 2014) là vợ chồng, cả hai có 03 người con chung là ông Nguyễn Xuân C, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Kim T.

Lúc còn sống, cụ H và cụ X có tạo lập được 6.478m² đất thuộc thửa 122 và 137, tờ bản đồ số 8 tại ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trên thửa đất số 122 có căn nhà của cụ X. Cụ X chết không để lại di chúc. Do ở với cụ X từ nhỏ nên toàn bộ di sản gồm nhà và đất do cụ X để lại đều do bà T quản lý, sử dụng từ năm 2014 cho đến nay. Vào năm 2018, bà T đã tự lập văn bản khai nhận di sản thừa kế mà không có sự tham gia của ông C, bà T và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do phần đất thửa 122 và 137, tờ bản đồ số 8 là di sản thừa kế của cụ X để lại chưa chia nên bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản này cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ X là ông C, bà T và bà T. Bà T yêu cầu nhận phần đất tại vị trí có mộ của cụ X, gồm phần đất có diện tích 1.477m² đất (trong đó có 100 m² đất ở) thuộc một phần thửa 122 và phần đất có diện tích 711m² thuộc một phần thửa 137 cùng cây trồng trên đất. Đối với căn nhà xây dựng trên thửa đất 122, bà T không yêu cầu chia, đồng ý để bà T tiếp tục sử dụng.

Khi cụ H còn sống có hứa sẽ cho bà T 03 công đất ở K. Những ngày cuối đời, cụ H bị bệnh nên đã bán diện tích đất này cho người khác để lấy tiền điều trị nhưng chưa thực hiện thủ tục sang tên. Trước khi chết, cụ H có làm di chúc cho bà T phần đất này. Sau khi cụ H chết thì bà T đã tiếp tục thực hiện thủ tục sang tên và chuyển nhượng theo di nguyện của cụ H.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Kim T là ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Cụ H và cụ X là vợ chồng, có 3 người con chung là ông Nguyễn Xuân C, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Kim T. Do quá trình chung sống không còn hạnh phúc nên cụ H và cụ X tự thỏa thuận ly thân nhau mà không thực hiện thủ

tục ly hôn, cũng không có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản. Bà T và ông C theo cụ H về K sinh sống. Bà T sinh sống với cụ X tại thị trấn T. Lúc còn sống cụ H đã cho ông C 01 công, cho bà T 03 công đất ở K.

Bà T thừa nhận đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ X. Sau khi cụ X chết thì toàn bộ tài sản là căn nhà cùng thửa đất 122 và 137, tờ bản đồ 8 do bà T quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng, bà T đã sửa chữa căn nhà, cải tạo thửa đất số 137 từ ruộng lên bờ và trồng cây như hiện nay. Năm 2018, bà T lập văn bản khai nhận di sản thừa kế nhưng không có sự tham gia và ký tên của ông C, bà T. Hiện nay, bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do ông C, bà T đã được mẹ là cụ H cho tài sản nên phần đang tranh chấp là của cụ X để lại cho bà T. Do đó, bà T không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà T chỉ đồng ý chia thừa kế cho bà T tại vị trí giáp thửa đất số 131 và thửa số 4.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân C trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Ông và bà T đã được hưởng tài sản từ mẹ là cụ H nhưng do khó khăn nên đã bán hết đất được cho. Ông không đồng ý chia thừa kế thửa đất 122 và 137 theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông yêu cầu được nhận phần di sản mà ông được hưởng theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D trình bày:*

Ông và bà T cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi cưới, ông về sống với bà T tại phần đất đang có tranh chấp cho đến nay. Vợ chồng ông đã bỏ rất nhiều công sức vào phần đất này nhưng không thể tính được giá trị chính xác. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn thì đề nghị xem xét đến công sức gìn giữ, tôn tạo đất của vợ chồng ông.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn X là các thửa đất 122, 137, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn X như sau:

- Bà Nguyễn Thị T được nhận phần đất có tổng diện tích là 1.619,2m² cùng các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: 1.085,7m² (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị; 985,7m² đất trồng cây lâu năm), có ký hiệu thửa tạm 122-1-4, thuộc một phần thửa 122, tờ bản đồ số 8 và 533,5m², có ký hiệu thửa tạm 137-4, thuộc một phần thửa 137, tờ bản đồ số 8, đất chuyên trồng lúa nước.

- Bà Nguyễn Thị T được nhận phần đất có tổng diện tích 3.237,5m² (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị; 2.070,1m² đất trồng cây lâu năm và 1.067,4m² đất chuyên trồng lúa nước) cùng các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: diện tích 49,7m², có ký hiệu thửa tạm 122-3-1; diện tích 63,2m², có ký hiệu thửa tạm 122-3-2; diện tích 12,2m², có ký hiệu thửa tạm 122-4; diện tích 52,1m², có ký hiệu thửa tạm 122-5-1; diện tích 24,6m², có ký hiệu thửa tạm 122-5-2; diện tích 970,2m², có ký hiệu thửa tạm 122-1-2; diện tích 998,1m², có ký hiệu thửa tạm 122-1-3 thuộc một phần thửa 122 và diện tích 533,7m², có ký hiệu thửa tạm 137-2; diện tích 533,7m², có ký hiệu thửa tạm 137-3 thuộc một phần thửa 137.

- Tạm giao phần ông Nguyễn Xuân C được hưởng thừa kế cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý sử dụng. Ông Nguyễn Xuân C được quyền khởi kiện đòi tài sản khi có yêu cầu. Ông Nguyễn Xuân C được hưởng thừa kế phần đất có tổng diện tích 1.605,4 m² cùng các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: diện tích 1.071,7m² có ký hiệu thửa tạm 122-1-1 (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị và 971,7 m² đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 122, tờ bản đồ số 8 và diện tích 533,7m², có ký hiệu thửa tạm 137-1 thuộc một phần thửa 137, tờ bản đồ số 8, đất chuyên trồng lúa nước.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

2. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp căn nhà của cụ Nguyễn Văn X trên thửa đất số 122, tờ bản đồ số 8. Các đương sự được quyền sở hữu đối với cây trồng, công trình vật kiến trúc trên phần đất được nhận.

3. Hiện nay di sản do bà Nguyễn Thị Kim T đang quản lý nên buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải giao một phần di sản cho bà Nguyễn Thị T theo quyết định của bản án.

4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án này.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ quyết định của bản án để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi có yêu cầu đối với các thửa đất số 122 và 137, cùng tờ bản đồ 8, tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc D có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày:*

Bà T thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ đồng ý chia cho bà T diện tích đất là 1.085,7m², có ký hiệu thửa tạm 122-1-4, thuộc một phần thửa 122, tờ bản đồ số 8. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc P trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 80/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc D và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 122, diện tích 4.343m² (trong đó có 300m² đất thổ cư) và thửa 137, diện tích 2.133,7m², cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc D kháng cáo chỉ đồng ý chia cho bà T 500m² đất vườn do bà T đã nhận phần đất 2.300m² của cụ H. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dũng thay đổi nội dung kháng cáo đồng ý chia cho bà T diện tích đất là 1.085,7m², có ký hiệu thửa tạm 122-1-4, thuộc một phần thửa 122, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

[2] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất cụ H và cụ X có 03 người con gồm: Nguyễn Xuân C, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim T. Cụ X, cụ H

không có con riêng, con nuôi nào khác. Cụ X (chết năm 2014), cụ H (chết năm 2000) không để lại di chúc nên nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là có căn cứ.

[3] Về di sản thừa kế:

[3.1] Thừa đất số 122, diện tích 4.343m² (trong đó có 300m² đất thổ cư) và thửa 137, diện tích 2.133,7m², cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre, các đương sự đều thống nhất có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn X để lại.

[3.2] Sau khi cụ X chết, năm 2018 bà T khai nhận di sản thừa kế đối với các thửa đất trên và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 122 và 137, tờ bản đồ số 8 vào ngày 02/8/2018. Theo hồ sơ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T thì Văn bản khai nhận di sản thừa kế được công chứng ngày 14/4/2018 chỉ có bà T ký tên làm thủ tục, trong khi đó ngoài bà T thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ X còn có bà T, ông C và bà T, ông C cũng chưa có ý kiến gì đối với việc phân chia di sản này. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất trên cho bà T trên cơ sở bà T thực hiện việc khai nhận di sản thừa kế của cụ X là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 122, 137, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre là di sản của cụ X để lại và chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà T là có cơ sở.

[3.3] Do Bà T là người có công sức gìn giữ, trông coi, tôn tạo phần đất tranh chấp, phía nguyên đơn không có tranh chấp căn nhà của cụ X trên thửa đất 122 mà bà T đang quản lý, sử dụng, nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bà T được nhận 02 kỷ phần tại vị trí có căn nhà để thuận tiện trong việc tiếp tục quản lý sử dụng; bà Nguyễn Thị T được nhận 01 kỷ phần thừa kế tại vị trí giáp thửa đất số 131 và thửa đất số 4 và tạm giao cho bà T quản lý, sử dụng 01 kỷ phần mà ông C được nhận là thửa đất số 113, 121 và 388 do ông C không có yêu cầu độc lập trong vụ án là có căn cứ. Bà T kháng cáo chỉ đồng ý chia cho bà T diện tích đất là 1.085,7m², có ký hiệu thửa tạm 122-1-4, thuộc một phần thửa 122, tờ bản đồ số 8 do bà T đã nhận phần đất 2.300m² của cụ H, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà T không có yêu cầu giải quyết đối với các phần đất mà cụ H đã chia cho ông C, bà T; ngoài ra, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà nên không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy

quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc Dũng phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2024/DS-ST ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 58 Luật Công chứng; các Điều 26, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Văn X là các thửa đất 122, 137, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn X như sau:

- Bà Nguyễn Thị T được nhận phần đất có tổng diện tích là 1.619,2m² cùng các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: 1.085,7m² (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị; 985,7m² đất trồng cây lâu năm), có ký hiệu thửa tạm 122-1-4, thuộc một phần thửa 122, tờ bản đồ số 8 và 533,5m², có ký hiệu thửa tạm 137-4, thuộc một phần thửa 137, tờ bản đồ số 8, đất chuyên trồng lúa nước.

- Bà Nguyễn Thị Kim T được nhận phần đất có tổng diện tích 3.237,5m² (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị; 2.070,1m² đất trồng cây lâu năm và 1.067,4m² đất chuyên trồng lúa nước) cùng các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: diện tích 49,7m², có ký hiệu thửa tạm 122-3-1; diện tích 63,2m², có ký hiệu thửa tạm 122-3-2; diện tích 12,2m², có ký hiệu thửa tạm 122-4; diện tích 52,1m², có ký hiệu thửa tạm 122-5-1; diện tích 24,6m², có ký hiệu thửa tạm 122-5-2; diện tích 970,2m², có ký hiệu thửa tạm 122-1-2; diện tích 998,1m², có ký hiệu thửa tạm 122-1-3 thuộc một phần thửa 122 và diện tích 533,7m², có ký hiệu thửa tạm 137-2; diện tích 533,7m², có ký hiệu thửa tạm 137-3 thuộc một phần thửa 137.

- Tạm giao phần ông Nguyễn Xuân C được hưởng thừa kế cho bà Nguyễn Thị Kim T tiếp tục quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Xuân C được quyền khởi kiện

đòi tài sản khi có yêu cầu. Ông Nguyễn Xuân C được hưởng thừa kế phần đất có tổng diện tích 1.605,4 m² cùng các tài sản gắn liền với đất, bao gồm: diện tích 1.071,7m² có ký hiệu thửa tạm 122-1-1 (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị và 971,7 m² đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa 122, tờ bản đồ số 8 và diện tích 533,7m², có ký hiệu thửa tạm 137-1 thuộc một phần thửa 137, tờ bản đồ số 8, đất chuyên trồng lúa nước.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp căn nhà của cụ Nguyễn Văn X trên thửa đất số 122, tờ bản đồ số 8. Các đương sự được quyền sở hữu đối với cây trồng, công trình vật kiến trúc trên phần đất được nhận.

3. Hiện nay di sản do bà Nguyễn Thị Kim T đang quản lý nên buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải giao một phần di sản cho bà Nguyễn Thị T theo quyết định của bản án.

4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án này.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ quyết định của bản án để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi có yêu cầu đối với các thửa đất số 122 và 137, cùng tờ bản đồ 8, tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

5. Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị T phải chịu 6.950.000đ (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 13.900.000đ (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong nên buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị T 13.900.000đ (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 36.584.000đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010762 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp thêm 30.334.000đ (Ba mươi triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 60.712.500đ (Sáu mươi triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quốc D (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà bà

Nguyễn Thị Kim T) phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003058 ngày 30/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện T (1b);
- Chi cục THADS huyện T (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt